

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Bản án số: 02/2024/DS-PT
Ngày: 26 tháng 02 năm 2025
V/v: Tranh chấp quyền nuôi cháu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Trọng Hải

Các Thẩm phán: Bà Lý Thị Lệ Thuỷ

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vương Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Vẹn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 14/2024/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp quyền nuôi cháu*”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 58/2024/HNGĐ-ST ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền (nay là **huyện L**), **tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu** bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2024/QĐ-PT ngày 12/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐ-PT ngày 31/12/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Ngô Văn T**, sinh năm 1950 và bà **Trần Thị P**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: **Tổ D, ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**. (ông **T**, bà **P** có mặt)

* **Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn T và bà Trần Thị P:** Bà **Nguyễn Thị Kim T1**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: **2, Đ, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**. (Có mặt)

(Theo Giấy ủy quyền ngày 17/5/2024 của bà **Trần Thị P** và ông **Ngô Văn T**).

- **Bị đơn:** Bà **Mai Thị L**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: **Tổ A, ấp P, xã P, huyện L (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**
(Vắng mặt)

* *Người đại diện theo ủy quyền của bà Mai Thị L:* Ông **Nguyễn Việt M**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: **Ấp P, xã P, huyện L (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.** (Có mặt)

(Theo Giấy ủy quyền ngày 27/5/2024 của bà **Mai Thị L**).

Người làm chứng: Ông **Nguyễn Xuân Đ**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: **A đường Đ, Khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**
(Có mặt)

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông **Ngô Văn T** và bà **Trần Thị P**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn ông Ngô Văn T, bà Trần Thị P và người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Kim T1 trình bày:*

Ông **Ngô Văn T** và bà **Trần Thị P** là vợ chồng hợp pháp. Họ có người con chung là ông **Ngô Văn V** (sinh năm 1986, mất ngày 26/5/2020). Ông **V** kết hôn hợp pháp với bà **Nguyễn Thị Thủy D** (sinh năm 1990, mất ngày 15/4/2021), và hai vợ chồng ông **V**, bà **T2** có năm người con chung, gồm:

1. **Ngô Quốc B** (sinh ngày 14/5/2013)
2. **Ngô Ngọc Bảo T3** (sinh ngày 08/10/2014)
3. **Ngô Thảo L1** (sinh ngày 21/02/2017)
4. **Ngô Phúc L2** (sinh ngày 15/9/2018)
5. **Ngô Ngọc Huệ L3** (sinh ngày 18/12/2020)

Hiện nay, bốn cháu là **L3, L1, T3** và **B** đang sống cùng vợ chồng ông **T**, do ông bà trực tiếp nuôi dưỡng, cháu **L2** đang sinh sống cùng với gia đình ông bà ngoại.

Về quá trình nuôi dưỡng các cháu:

Trước đây, bốn cháu lớn sống cùng cha mẹ tại **tổ C (nay là tổ D), ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**, cách nhà vợ chồng ông **T** khoảng 200m.

Ngày 26/5/2020, sau khi cha các cháu là ông **V** qua đời do tai nạn, bốn cháu lớn được ông **T** và bà **P** đón về nuôi dưỡng (lúc này, cháu **L3** vẫn còn trong bụng mẹ).

Ngày 15/4/2021, mẹ các cháu là bà **D** qua đời, cháu **L3** được ông bà đưa về chăm sóc cùng các anh chị.

Ngày 10/5/2021, được vợ chồng ông T đồng ý, ông ngoại của các cháu là ông Nguyễn Văn L4 đến thăm và xin đưa ba cháu L2, L1 và T3 về chơi, hứa sẽ đưa các cháu trở lại vào ngày giỗ cha (15/5/2021). Tuy nhiên, sau khi đón các cháu về, ông L4 không đưa các cháu trở về dù vợ chồng ông T nhiều lần đến yêu cầu.

Ngày 24/7/2022, vợ chồng bà Nguyễn Thị Thùy D1 (con gái ông L4) đưa cháu L1 về nhà ông T chơi. Cháu L1 xin ở lại một tuần và khi vợ chồng bà D1 đến đón, cháu không chịu về. Từ đó, cháu L1 tiếp tục ở với ông T và bà P.

Về tình hình sinh sống của gia đình ông T:

Vợ chồng ông T sinh sống tại tổ C (nay là tổ D), ấp T, trên mảnh đất diện tích 2.247,8m² (trong đó có 300m² đất thổ cư) thửa đất số 24, tờ bản đồ số 46, thuộc quyền sử dụng của ông bà theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/12/2021.

Những người đang sinh sống tại đây gồm: Vợ chồng ông T; Ông Ngô Văn T4 (sinh năm 1983, con ruột ông T, không có vợ con, bị nhiễm chất độc da cam nhưng vẫn có khả năng lao động, thường phụ giúp chăn bò); Bà Ngô Thị Thu H (sinh năm 1992, con gái ông T) cùng chồng là ông Lê Phúc T5 (sinh năm 1992) và con chung sinh năm 2020. Gia đình bà H sống trong căn nhà riêng cách nhà ông T 6m, cùng trên mảnh đất số 24.

Về kinh tế và khả năng nuôi dưỡng các cháu:

Vợ chồng ông T có thu nhập ổn định từ hoạt động trồng trọt và chăn nuôi trên thửa đất số 24, cụ thể:

- Trồng bơ và sầu riêng lời: 50.000.000 đồng/năm
- Trồng điều lời: 44.000.000 đồng/năm
- Nuôi gà lời: 30.000.000 đồng/năm
- Nuôi bò lời: 60.000.000 đồng/năm

Ngoài ra, ông T còn nhận trợ cấp thương binh 1.345.000 đồng/tháng và trợ cấp chất độc da cam 2.062.000 đồng/tháng.

Vợ chồng ông T khẳng định có đủ điều kiện về kinh tế, thời gian và sức khỏe để chăm sóc, nuôi dưỡng cả năm cháu. Họ cũng nhận được sự hỗ trợ từ ông T4 và vợ chồng bà H trong việc chăm sóc các cháu.

Về việc tranh chấp quyền nuôi dưỡng các cháu giữa hai gia đình nội ngoại:

Trước đây, do mâu thuẫn trong việc phân chia trách nhiệm nuôi dưỡng, vợ chồng ông T đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Long Điền (nay là huyện L). Kết quả xét xử sơ thẩm Tòa án giao ba cháu cho ông T, còn hai cháu cho ông L4 và bà L. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút đơn kiện. Sau đó, các bên tự thỏa thuận (không có văn bản) về việc nuôi dưỡng các cháu như sau:

- Ba cháu L3, L1 và B ở với ông T và bà P.

- Hai cháu T3 và L2 ở với ông L4 và bà L.

Trước Tết Âm lịch 2023, cháu T3 về thăm ông T và bà P rồi quyết định ở lại cùng với ba anh chị em là L3, B, L1, được ông bà chăm sóc từ đó đến nay. Hiện nay, do ông L4 đã qua đời, cháu L2 đang ở cùng bà L. Nay bà L cũng đã yếu không trực tiếp nuôi dưỡng và dạy dỗ cho cháu L2 được nên vợ chồng ông T, bà P tiếp tục khởi kiện, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả năm cháu, gồm:

1. Ngô Quốc B (sinh ngày 14/5/2013)
2. Ngô Ngọc Bảo T3 (sinh ngày 08/10/2014)
3. Ngô Thảo L1 (sinh ngày 21/02/2017)
4. Ngô Phúc L2 (sinh ngày 15/9/2018)
5. Ngô Ngọc Huệ L3 (sinh ngày 18/12/2020)

Về vấn đề cấp dưỡng, ông T và bà P không yêu cầu bà L cấp dưỡng cho các cháu.

** Trong quá trình tố và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Việt M trình bày:*

Ông Nguyễn Văn L4 và bà Mai Thị L là vợ chồng hợp pháp, có ba người con chung gồm:

- Nguyễn Thị Thùy D1 (sinh năm 1983)
- Nguyễn Việt M (sinh năm 1987)
- Nguyễn Thị Thủy D (sinh năm 1990, đã mất)

Ông Ngô Văn V (đã mất) là con rể của vợ chồng ông L4, chồng của bà Nguyễn Thị Thủy D. Vợ chồng ông V và bà Thủy D có năm người con chung:

1. Ngô Quốc B (sinh ngày 14/5/2013)
2. Ngô Ngọc Bảo T3 (sinh ngày 08/10/2014)
3. Ngô Thảo L1 (sinh ngày 21/02/2017)
4. Ngô Phúc L2 (sinh ngày 15/9/2018)
5. Ngô Ngọc Huệ L3 (sinh ngày 18/12/2020)

Hiện nay, ông L4, ông ông V và bà Thủy D đều đã mất. Trong số năm cháu trên, cháu L2 đang sống cùng bà L tại nhà riêng ở tổ C, ấp P, xã T, huyện L (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Cháu L2 phát triển bình thường cả về thể chất và tinh thần.

Ngoài bà L, người đang sinh sống cùng tại căn nhà này còn có con trai bà L - ông Nguyễn Việt M. Ông M có sức khỏe tốt, chưa lập gia đình, và thường xuyên phụ giúp bà L chăm sóc cháu L2. Hiện nay, cháu L2 đang theo học tại Trường M3 (ấp L, xã P, huyện L (nay là huyện L)). Việc đưa đón cháu đi học do bà L và ông M thay phiên đảm nhiệm, toàn bộ chi phí ăn học do bà L chi trả.

Về quá trình thay đổi nơi ở của các cháu:

Sau khi cha mẹ qua đời, cả năm cháu ban đầu đều sống với ông bà nội là ông **Ngô Văn T** và bà **Trần Thị P**. Tuy nhiên, khi Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đình chỉ bản án phúc thẩm, các bên đã thỏa thuận (không lập văn bản) về việc hai cháu **L2** và **T3** chuyển về ở với ông **L4** và bà **L**.

Từ khi cháu **L2** và **T3** về nhà ngoại, bà **P** nhiều lần đến nhà ông **L4** yêu cầu đưa các cháu về nhà nội nhưng không được đồng ý. Tuy nhiên, ngày 29/12/2023 (Âm lịch), cháu **T3** được ông **T** và bà **P** xin phép đưa về thăm chơi cùng các anh chị em. Sau đó, cháu **T3** không trở lại nhà bà **Lê M1** ở lại với ông **T** và bà **P** đến nay.

Về điều kiện kinh tế của bà L:

Gia đình bà **L** sản xuất kinh doanh và bán nước mắm theo hình thức hộ kinh doanh từ năm 1997 đến nay. Cơ sở này trước đây do vợ chồng bà **L** và ông **L4** cùng điều hành tại tổ **C**, ấp **P**, xã **T**, huyện **L** (nay là huyện **L**). Sau khi ông **L4** mất, bà **L** tiếp tục duy trì việc kinh doanh, đồng thời trực tiếp nuôi dưỡng cháu **L2**. Ông **M**, con trai bà **L**, cũng sinh sống tại đây và hỗ trợ mẹ trong công việc cũng như chăm sóc cháu **L2**.

Về tranh chấp quyền nuôi dưỡng các cháu:

Theo yêu cầu khởi kiện của ông **Ngô Văn T** và bà **Trần Thị P** về việc xin trực tiếp nuôi dưỡng cả năm cháu, bà **L** không đồng ý. Bà **L** đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả năm cháu **Ngô Quốc B** (sinh ngày 14/5/2013); **Ngô Ngọc Bảo T3** (sinh ngày 08/10/2014); **Ngô Thảo L1** (sinh ngày 21/02/2017); **Ngô Phúc L2** (sinh ngày 15/9/2018); **Ngô Ngọc Huệ L3** (sinh ngày 18/12/2020). Về cấp dưỡng: Bà **Lê K** yêu cầu ông **T** và bà **P** cấp dưỡng cho các cháu.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2024/HNGĐ-ST ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền (nay là huyện **L**) đã quyết định như sau:

1. Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 47, 48, 49, 52 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 104 và 105 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. 1 Tuyên xử:

1.1.1 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Ngô Văn T** và bà **Trần Thị P**;

Ông **Ngô Văn T** và bà **Trần Thị P** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 4 cháu là **Ngô Quốc B**, sinh ngày 14/5/2013; **Ngô Thảo L1**, sinh ngày 21/02/2017; **Ngô Ngọc Bảo T3**, sinh ngày 08/10/2014; và **Ngô Ngọc Huệ L3**, sinh ngày 18/12/2020 cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

1.1.2 Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Mai Thị L;

Bà Mai Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Ngô Phúc L2, sinh ngày 15/9/2018 cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

1.2 Ông Ngô Văn T, bà Trần Thị P, và bà Mai Thị L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu chung, không ai được quyền ngăn cản.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/9/2024 nguyên đơn ông Ngô Văn T, bà Trần Thị P có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 58/2024/HNGĐ-ST ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền (nay là huyện L) theo hướng chấp nhận cho ông Ngô Văn T, bà Trần Thị P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 05 cháu Ngô Quốc B, sinh ngày 14/5/2013; Ngô Ngọc Bảo T3, sinh ngày 08/10/2014; Ngô Thảo L1, sinh ngày 21/02/2017; Ngô Phúc L2, sinh ngày 15/9/2018; và Ngô Ngọc Huệ L3, sinh ngày 18/12/2020. Tuyên hủy phần bản án “Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Mai Thị L; Bà Mai Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Ngô Phúc L2, sinh ngày 15/9/2018”

Quá trình xét xử phúc thẩm:

Trong thời gian kháng cáo chờ xét xử phúc thẩm, nguyên đơn bổ sung chứng cứ về tình trạng sức khỏe của bà L hiện nay bệnh nằm một chỗ, đi lại khó khăn phải cần có người chăm sóc nên không thể đảm bảo việc trực tiếp nuôi cháu L2. Nguyên đơn cung cấp thêm tài liệu hiện nay cháu L2 không còn do ông Nguyễn Văn M2 nuôi dưỡng mà đã giao cho ông Nguyễn Xuân Đ trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc tại thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

**** Nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày tại phiên tòa phúc thẩm:***

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của mình.

**** Đại diện bị đơn trình bày tại phiên tòa phúc thẩm:***

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

**** Người làm chứng ông Nguyễn Xuân Đ trình bày:***

Ông Đ là con ruột của bà Mai Thị Lê. Hiện tại, cháu Ngô Phúc L2 đang sống cùng gia đình ông Đ tại P, gồm vợ ông là bà Bùi Ngọc D2 và con ruột của ông (bé 5 tuổi). Cháu L2 đang theo học tại Trường Tiểu học M4.

Lý do bà Lê K trực tiếp nuôi dưỡng cháu L2 là vì điều kiện học tập và phát triển của cháu tại P thuận lợi hơn so với Long Đ1. Đồng thời, ông Đ có thể chăm

sóc và đưa đón cháu thuận tiện hơn. Bên cạnh đó, bà Lê C phải quản lý xưởng sản xuất nước mắm, công việc bận rộn nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng cháu.

Trước việc ông T và bà P khởi kiện, gia đình bà Lê C1 các con không đồng ý, vì các cháu đều là cháu chung của cả hai bên nội – ngoại. Do đó, ông T và bà P không thể đơn phương giành quyền nuôi các cháu. Hơn nữa, ông T và bà P đều đã trên 70 tuổi, làm nghề nông, nên việc chăm sóc các cháu chủ yếu dựa vào sự hỗ trợ của con cái.

Nay, nếu Tòa án quyết định giao cả năm cháu cho gia đình ông D nuôi dưỡng, gia đình ông sẵn sàng nhận nuôi. Trường hợp Tòa án không thể giao cả năm cháu, gia đình ông D đề nghị được tiếp tục chăm sóc cháu L2, trong khi bốn cháu B, T3, L1 và L3 vẫn ở với ông T và bà P, như phán quyết sơ thẩm của Tòa án huyện Long Điền (nay là huyện L).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa tiến hành công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng. Trong quá trình thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự và những người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn T, bà Trần Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 58/2024/HNGĐ-ST ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền (nay là huyện L).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Ngô Văn T, bà Trần Thị P đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Điều 272 và nộp trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, ông T, bà L được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên toà, nguyên đơn có mặt, bị đơn bà **L** vắng mặt nhưng đều có người đại diện theo pháp luật có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:

Cả năm cháu trong vụ án này đều là người chưa thành niên và không còn cha mẹ, do đó thuộc diện được giám hộ đương nhiên theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Bộ luật Dân sự. Theo quy định, cả bốn người gồm ông bà nội (ông **Ngô Văn T**, bà **Trần Thị P**) và ông bà ngoại (ông **Nguyễn Văn L4**, bà **Mai Thị L**) đều là người giám hộ đương nhiên của các cháu.

Tuy nhiên, giữa hai bên nội – ngoại không đạt được thỏa thuận về việc cử một hoặc một số người làm người giám hộ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp về quyền nuôi dưỡng cháu, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ gia đình:

Vợ chồng ông **Ngô Văn V** và bà **Nguyễn Thị Thủy D** có năm con chung:

1. **Ngô Quốc B** (sinh ngày 14/5/2013)
2. **Ngô Ngọc Bảo T3** (sinh ngày 08/10/2014)
3. **Ngô Thảo L1** (sinh ngày 21/02/2017)
4. **Ngô Phúc L2** (sinh ngày 15/9/2018)
5. **Ngô Ngọc Huệ L3** (sinh ngày 18/12/2020)

Ông **Ngô Văn V** là con chung của ông **Ngô Văn T** và bà **Trần Thị P**, nên ông bà là ông bà nội của năm cháu.

Bà **Nguyễn Thị Thủy D** là con chung của ông **Nguyễn Văn L4** và bà **Mai Thị Lê**. Do ông **L4** đã mất, bà **Lê H1** là bà ngoại của năm cháu.

Hiện nay, do cha mẹ các cháu đều đã mất, ông **T** và bà **P** tranh chấp với bà **L** về quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả năm cháu. Bà **Mai Thị L** cũng có yêu cầu phản tố, đề nghị được quyền nuôi dưỡng năm cháu là hợp pháp.

[2.2] Điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng của ông bà nội và bà ngoại:

Vợ chồng ông **Ngô Văn T** – bà **Trần Thị P**: Hiện đang sinh sống tại **xã B, huyện X**, làm nghề trồng trọt và chăn nuôi. Thu nhập của gia đình ổn định và được **UBND xã B** xác nhận. Ngoài ra, họ còn được hỗ trợ từ một phần quỹ từ thiện để chăm sóc các cháu.

Bà **Mai Thị L**: Kinh doanh sản xuất nước mắm theo hình thức hộ kinh doanh, có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và nộp thuế từ năm 2010 đến nay.

Xét về điều kiện kinh tế, cả hai bên đều có khả năng chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu. Tuy nhiên, cả ông bà nội và bà ngoại đều đã lớn tuổi (từ 68 đến 74 tuổi), nên việc đảm bảo chăm sóc lâu dài cho các cháu cần được cân nhắc kỹ lưỡng.

[2.3] Thực tế sinh sống của các cháu và quyền trực tiếp nuôi dưỡng:

Xét về yếu tố vật chất, Hội đồng xét xử nhận thấy, về yếu tố kinh tế, cả hai gia đình đều đảm bảo về mặt kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Về yếu tố sức khỏe, mặc dù cháu **L2** trên danh nghĩa là sống với bà **L** nhưng thực tế theo ông **M2** trình bày bà **L** bị bệnh, đi lại khó khăn cần có người chăm sóc hàng ngày. Bà **L** đã nằm một chỗ từ năm 2019 và hiện ông **M2** đang trực tiếp chăm sóc bà. Do bà **L** không thể trực tiếp chăm sóc cháu **L2** được nên ông **M2** đã giao việc nuôi dưỡng cháu **L2** cho ông **Nguyễn Xuân Đ** (con trai bà **L**). Tuy nhiên, ông **Đ** ở thị xã **P** đã có gia đình, có con nhỏ và bận rộn công việc kinh doanh không ở gần bà **L** và các con bà **Lê N** việc chăm sóc cháu **L2** cũng bị hạn chế. Cụ thể là cháu **L2** học ở trường tiểu học **M4** cả ngày, nhà ở xa trường nên buổi trưa ông **Đ** cũng không tiện đón cháu **L2** về để ăn uống ngủ nghỉ tại nhà được mà phải ở nhờ nhà người quen của ông **Đ** ở gần trường, đến tối cháu **L2** mới được trở về nhà ông **Đ**. Việc sinh hoạt xa nhà, trưa ở nhà người quen cũng ảnh hưởng đến việc sinh hoạt bình thường của bé. Việc xa các anh chị em ruột thịt, xa ông bà ngoại, ông bà nội và phải ở nhà người thân khác cũng ảnh hưởng đến tâm sinh lý tình cảm của cháu và các thành viên khác. Với tình hình hiện tại, nếu tiếp tục để cháu **L2** sống với bà **L**, việc chăm sóc và giáo dục cháu sẽ không được đảm bảo tốt nhất.

Ngược lại, ông **T** và bà **P** hiện vẫn khỏe mạnh, có nhiều thời gian để trực tiếp quản lý và giáo dục các cháu. Bốn cháu **Ngô Quốc B**, **Ngô Thảo L1**, **Ngô Ngọc Huệ L3** và **Ngô Ngọc Bảo T3** hiện đang sinh sống ổn định với ông bà nội. Các cháu có điều kiện học tập tốt, phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Ngoài ra, gia đình ông **T** có sự hỗ trợ từ các con ruột, gồm ông **Ngô Văn T4** (phụ giúp công việc chăn nuôi); vợ chồng bà **Ngô Thị Thu H** – ông **Lê Phúc T5** (kinh doanh gần nhà, có thể hỗ trợ chăm sóc các cháu), hoặc các anh chị em ruột của cháu **L2** cũng có thể hỗ trợ chăm sóc lẫn nhau.

Xét về đời sống tinh thần, cháu **L2** hiện đang sống tách biệt với các anh chị em ruột, trong khi độ tuổi này các cháu rất cần môi trường gia đình gần gũi để phát triển toàn diện. Nếu được sống cùng các anh chị em ruột thịt của mình, cháu sẽ có sự gắn kết gia đình, yêu thương, hỗ trợ, đùm bọc nhau trong học tập và cuộc sống, giảm bớt tổn thương tinh thần do mất cha mẹ. Đồng thời đây cũng là cách giáo dục để các cháu biết yêu thương, quan tâm, giúp đỡ nhau để khi lớn lên trưởng thành các cháu vẫn giữ được tình cảm gắn bó anh chị em trong gia đình, vẫn có thể tự chăm lo cho nhau khi thiếu vắng những người giám hộ của mình.

Hơn thế nữa, các cháu hiện nay đã mất cả cha và mẹ, các cháu chỉ còn lại tình yêu thương từ phía gia đình ông bà nội – ngoại hai bên. Tuy nhiên, vì sự tranh chấp

quyền nuôi cháu mà hai gia đình mâu thuẫn với nhau, không thể ngồi lại cùng nhau chăm lo cho các cháu, bản thân các cháu cũng không có cơ hội tiếp xúc với nhau vì cả hai bên đều lo sợ bên còn lại giữ các cháu để nuôi. Hội đồng xét xử nhận thấy, trường hợp nếu đưa các cháu về cho nhà nội nuôi dưỡng, sống tại chính căn nhà của cha mẹ ruột để lại, khi có cơ hội như lễ tết, nghỉ hè, ngày giỗ gia đình hai bên tất cả các cháu đều được trở về với bên ngoại. Như vậy, mâu thuẫn giữa hai gia đình nội ngoại cũng sẽ được xóa bỏ, các cháu được thoải mái sống trong tình yêu thương của hai bên gia đình, từ đó cũng giáo dục cho các cháu hiểu về đạo đức làm người, nhớ những kỷ niệm đã từng gắn bó với cha mẹ, nhớ cuội nguồn, nhớ ông bà, các cháu có sự tôn trọng đối với các bậc sinh thành của mình và có tình yêu thương đầy đủ của hai gia đình nội ngoại, đồng thời tăng thêm sự gắn bó giữa hai bên gia đình thông gia.

Bên cạnh đó, hiện tại bốn cháu **L3**, **L1**, **T3** và **B** đã quen với môi trường sống cùng ông bà nội, nên việc để cháu **L2** về chung sống với ông **T**, bà **P** và bốn anh chị em ruột sẽ giúp các cháu ổn định cuộc sống, đảm bảo quyền lợi học tập và sự phát triển tâm lý bình thường của các cháu. Do đó, việc giao cả năm cháu cho vợ chồng ông **T**, bà **P** nuôi dưỡng là hợp lý và cần thiết hơn.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giao năm cháu **Ngô Quốc B**, **Ngô Thảo L1**, **Ngô Ngọc Huệ L3**, **Ngô Ngọc Bảo T3** và **Ngô Phúc L2** cho vợ chồng ông **Ngô Văn T** và bà **Trần Thị P** trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.4] Về cấp dưỡng:

Ông **Ngô Văn T** và bà **Trần Thị P** không yêu cầu bà **Mai Thị Lê cấp D3** cho các cháu, nên không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm:

Ông **Ngô Văn T**, bà **Trần Thị P** và bà **Mai Thị Lê Đ2** là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho cả ba người.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 47, 48. 272, 273, 313; Khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 84; Điều 104 và 105 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn của ông **Ngô Văn P1** và bà **Trần Thị P**, sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 58/2024/HNGĐ-ST ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền (nay là **huyện L**).

2. Giao 05 cháu gồm **Ngô Ngọc Huệ L3**, sinh ngày 18/12/2020; **Ngô Phúc L2**, sinh ngày 15/9/2018; **Ngô Thảo L1**, sinh ngày 21/02/2017; **Ngô Ngọc Bảo T3**, sinh ngày 08/10/2014 và **Ngô Quốc B**, sinh ngày 14/5/2013 cho vợ chồng ông **Ngô Văn P1** và bà **Trần Thị P** chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. **Ngô Văn P1** và bà **Trần Thị P** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu.

Bà **Mai Thị L** được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục cháu không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi cháu có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi cháu, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu. Trong trường hợp có yêu cầu của cá nhân, tổ chức quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi cháu và cấp dưỡng nuôi cháu theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và phúc thẩm: Ông **Ngô Văn T**, bà **Trần Thị P** và bà **Mai Thị L** là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho ông **T**, bà **P** và bà **L**.

4. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND H. Long Điền (nay là huyện Long Đất),
- TAND H. Long Điền (nay là huyện Long Đất);
- Chi cục THA DS H. Long Điền (nay là huyện Long Đất);
- Các đương sự.
- Lưu: Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Trọng Hải

